

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **133/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 12/4/2021

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Chiến;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hương.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Tâm – Cán bộ tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm: Bà Nguyễn Thị Thúy
- Kiểm sát viên

Ngày 12/4/2021 Tại trụ sở Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 492/2020/TLST- HNGĐ ngày 13/11/2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/02/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số 138, ngõ 54, ngách 8/11, L. Q. Đ, Tổ dân phố số 5, phường P, quận N, thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

Bị đơn: Anh Lê Tiến D, sinh năm 1986;

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Số 138, ngõ 54, ngách 8/11, L. Q. Đ, Tổ dân phố số 5, phường P, quận N, thành phố Hà Nội. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2020 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Chị Nguyễn Thị Bích T kết hôn với anh Lê Tiến D trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 19/11/2012 tại Ủy ban nhân dân phường K, quận T, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng

quan điểm sống, anh D thường xuyên vắng nhà, chơi cờ bạc, nợ nần. Đến tháng 12 năm 2016, anh D bỏ nhà đi do bị đến đòi nợ. Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không ai còn quan tâm tới ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T xin được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị T và anh D có 01 con chung là: Cháu Lê Phú K, sinh ngày 05/6/2013. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn là anh Lê Tiến D:

Bị đơn là anh Lê Tiến D đã được Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội tuyên bố mất tích tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 98/2020/QĐST-VDS ngày 30/9/2020.

Tòa án xác minh tại Công an phường P, quận N, thành phố Hà Nội về nơi cư trú của anh Lê Tiến D thì được cung cấp anh D có hộ khẩu thường trú tại: Tổ 5, phường P, quận N, thành phố Hà Nội. Hiện anh D vắng mặt tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, không có mặt tại địa phương, không khai báo tạm vắng với Công an phường P, địa phương không biết anh D đi đâu, làm gì, ở đâu.

Đến thời điểm hiện nay anh D vẫn vắng mặt. Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác. Nhưng đến phiên tòa ngày 15/3/2021, anh D vẫn vắng mặt. Không có chứng cứ nào thể hiện có địa chỉ khác của anh Lê Tiến D. Vì vậy không có tài liệu chứng cứ, bản tự khai ghi nhận ý kiến trình bày của bị đơn. Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được để xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị Nguyễn Thị Bích T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị xin được ly hôn với anh Lê Tiến D.
- Về con chung: Chị T đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Chị T xác nhận vợ chồng không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Tiến D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa

xét xử sơ thẩm lần hai nhưng anh D vắng mặt tại phiên tòa và không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm phát biểu ý kiến:

- Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể là: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên cho chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Lê Tiến D.

- Về con chung: Đề nghị giao cháu Lê Phú K, sinh ngày 05/6/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh D cho đến khi chị T có yêu cầu hoặc đến khi có quyết định khác thay thế.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bích T với bị đơn là anh Lê Tiến D có địa chỉ cư trú cuối cùng tại: Số 138, ngõ 54, ngách 8/11, L. Q. Đ, Tổ dân phố số 5, phường P, quận N, thành phố Hà Nội. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh D đã bị Tòa án tuyên bố mất tích tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 98/2020/QĐST-VDS ngày 30/9/2020. Tòa án đã triệu tập anh Lê Tiến D tham gia phiên hòa giải nhưng anh D đều vắng mặt. Theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn là anh Lê Tiến D đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm lần hai nhưng anh D vắng mặt tại phiên tòa và không có lý do. Căn cứ Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Tiến D.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Lê Tiến D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 19/11/2012 tại Ủy ban nhân dân phường K,

quận T, thành phố Hà Nội trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, hôn nhân của chị T và anh D là hôn nhân hợp pháp.

Chị Nguyễn Thị Bích T cho rằng cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu từ năm 2016, hiện vợ chồng không chung sống cùng nhau.

Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 98/2020/QĐST-VDS ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đã tuyên bố anh Lê Tiến D mất tích. Đến nay không ai biết anh D đang ở đâu, làm gì.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn đối với anh D.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Lê Tiến D có 01 con chung là: Cháu Lê Phú K, sinh năm 05/6/2013. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K. Tại Đơn trình bày nguyện vọng của con, cháu Lê Phú K trình bày nguyện vọng muốn ở với mẹ là chị Nguyễn Thị Bích T. Vì vậy, cần giao cháu K cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu. Anh D được quyền được đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Do anh D hiện tại đã mất tích và chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh D cho đến khi có yêu cầu hoặc đến khi có quyết định khác thay thế.

Về tài sản chung: Chị T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị T xác nhận vợ chồng không có nợ chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu phí án ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Lê Tiến D được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 207, Điều 271, Điều 273, Khoản 3 Điều 228, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích T. Chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Lê Tiến D.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Lê Tiến D có 01 con chung là: Cháu Lê Phú K, sinh năm 05/6/2013. Giao cháu Lê Phú K cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh D cho đến khi có yêu cầu hoặc đến khi có quyết định khác thay thế.

Anh D được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị Nguyễn Thị Bích T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Bích T xác nhận vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số AK/2010/0009840 ngày 13/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Hà Nội. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKS ND Quận Nam Từ Liêm;
- THA DS Quận N;
- Các đương sự;
- UBND phường K, quận T, thành phố Hà Nội;
- Lưu HS+ VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thúy Anh

